

Bản án số: 31/2026/DS - ST

Ngày: 28/5/2026

V/v: “Tranh chấp kiện đòi tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – NGHỆ AN

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Thúy Hằng và bà Nguyễn Thị Hồng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Nghệ An.

- Đại diện VKS nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Phương Quỳnh.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Nghệ An, xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 103/2025/TLST-DS, ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235 /2026/QĐXXST - DS ngày 15 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964, vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P:

Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1992, có mặt

Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, tỉnh Nghệ An

- Bị đơn: Bà Vũ Thị T1, sinh năm 1976, vắng mặt

Địa chỉ: Thôn A Q, xã Q, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1956; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, tỉnh Nghệ An.

2. Ông Vũ Văn L, sinh năm 1960; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn A Q, xã Q, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P, người đại diện theo ủy quyền của bà P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T2 thống nhất trình bày:

Do có quen biết nhau từ lâu nên bà P đã cho bà Vũ Thị T1 vay tiền nhiều lần, đến ngày 04/3/2012 thì hai bên chốt nợ bà T1 còn nợ bà P số tiền 359.250.000 đồng. Theo giấy chốt nợ không ghi lãi suất, cũng không ghi thời hạn trả nợ. Nhưng hai bên thỏa thuận bên ngoài là lãi suất theo ngân hàng và thời gian trả nợ là 01 năm. Sau đó 01 năm bà T1 lợi dụng lòng tốt của bà P mà không chịu trả, bà T1 luôn viện lý do làm ăn thua lỗ và xin khất trả dần. Bà P cũng đồng ý để tạo điều kiện cho bà T1 nhưng trong suốt thời gian dài bà T1 không trả cho bà P được đồng nào. Hiện nay bà T1 cũng đã có điều kiện kinh tế và làm ăn khá giả hơn, bà P đến đòi nợ nhiều lần nhưng bà T1 không đưa. Ngày 03/10/2025 bà Nguyễn Thị P đã gửi thông báo đòi tiền cho bà Vũ Thị T1. Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T1 cùng chồng là ông Vũ Văn L trả số tiền 359.250.000 đồng. Về lãi suất hoặc các khoản phí khác, bà P không yêu cầu.

Tại biên bản làm việc, bị đơn bà Vũ Thị T1 trình bày:

Tòa án đã đến gặp trực tiếp bà Vũ Thị T1 để làm việc nhưng bà T1 không hợp tác, không trả lời các câu hỏi của Tòa án. Khi được hỏi về việc bà T1 có vay tiền của bà P hay không thì bà T1 trả lời “giữa bà và bà P có chơi với nhau nhưng không có quan hệ gì, cũng không có vay mượn gì bà P, còn về giấy ghi nợ thì bà T1 cho rằng đó là bà P tự ghi, tự lật ngoài đường về để đi kiện”.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy báo làm việc, văn bản tố tụng của tòa án cho ông Vũ Văn L, nhưng ông L không đến Tòa án làm việc, không có lời khai gửi tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- nghệ An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ thời điểm thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX, xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Vũ Thị T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 359.250.000 đồng. Về án phí: Buộc bà Vũ Thị T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn bà Vũ Thị T1 cư trú tại thôn A Q, xã Q nên Tòa án nhân dân khu vực 4 – Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong thời gian năm 2012, giữa bà Nguyễn Thị P và bà Vũ Thị T1 đã xác lập hợp đồng vay tài sản (Giấy chốt nợ) không có thời hạn và không ghi lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định đã hết thời hiệu khởi kiện về hợp đồng và có yêu cầu là buộc bà T1 thanh toán trả khoản tiền gốc vay, không yêu cầu về lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử xác định là quan hệ pháp luật “Tranh chấp kiện đòi tài sản” và không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 155 Bộ luật dân sự và mục 3 phần III Công văn số 02TANDTC-PC ngày 02/8//2021 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải đáp một số vướng mắc trong xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[1.2]. Về việc Tòa án xét xử vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhiều lần cho bị đơn bà Vũ Thị T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn L gồm: Giấy báo đương sự, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Vũ Thị T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn L nhưng bà T1 và ông L vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Bà Nguyễn Thị P và ông Phạm Văn T2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung:

Theo giấy nợ đề ngày 04/3/2012 thể hiện bà Vũ Thị T1 có ghi có nợ bà Nguyễn Thị P số tiền 359.250.000 đồng. Đồng thời trong cùng một tờ giấy đó, đề ngày 24/1/2012, có nội dung “Thương Lâm nợ chị P số tiền 70.000.000 đồng” Tất cả các mục này đều ký và ghi rõ họ tên “Vũ Thị T1”. Do đó việc giữa nguyên đơn và bị đơn có thực hiện giao dịch vay tiền là có thật và đến thời hạn ngày 04/3/2014 là bà T1 còn nợ bà P 359.250.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không phối hợp, cố tình trốn tránh nhưng nguyên đơn vẫn xác nhận số tiền bị đơn đang còn nợ nguyên đơn. Nguyên đơn cũng đưa ra được tài liệu gốc để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn đến Tòa án để lấy lời khai và hòa giải về việc vay tiền và còn nợ nguyên đơn. Bị đơn cho rằng không vay mượn gì nguyên đơn và

giấy vay nợ bị đơn cũng không biết, do nguyên đơn tự ghi. Nhưng bị đơn không đưa ra được các tài liệu chứng cứ cho trình bày của mình, bị đơn cũng không có yêu cầu giám định chữ ký chữ viết đối với giấy chốt số nợ ngày 04/3/2012. Bị đơn nhận được giấy báo của Tòa án, biết nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng cố tình vắng mặt, không hợp tác làm việc với Tòa án khi Tòa án đến lấy lời khai làm rõ vụ việc, chứng tỏ bị đơn từ bỏ quyền của mình và thừa nhận số tiền còn nợ nguyên đơn.

[3]. Xét quan hệ giao dịch theo giấy ngày 04/3/2012, chỉ có chữ ký của bà Vũ Thị T1 mà không có chữ ký chữ viết nào của ông Vũ Văn L – chồng bà T1; nguyên đơn cũng thừa nhận chỉ giao dịch trực tiếp với bà T1 mà không phải là ông L. Do đó không có căn cứ để buộc ông Vũ Văn L cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà Nguyễn Thị P như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị đơn bà Vũ Thị T1 phải chịu án phí dân sự đối với số tiền phải trả 359.250.000 đồng là 17.962.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 155, 163, 164, 166, 221, 223 Bộ luật Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

2.1. Buộc bà Vũ Thị T1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị P số tiền gốc 359.250.000 đồng theo giấy chốt nợ đề ngày 04/3/2012.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Vũ Văn L cùng có trách nhiệm trả nợ

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị P là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí. Bà Vũ Thị T1 phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 17.962.500 đồng.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND Khu vực 4 - Nghệ An;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Hà